TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/DS-PT
Ngày 10-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TBTL-TA ngày 06 tháng 6 năm 2019, về việc Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS - ST ngày 24/4/2019, của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐ - PT ngày 05/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương L. Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk – 39 K, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị đơn: Ông Y P, sinh năm 1966 và bà H B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Buôn M, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Hồ Ngọc H. Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk – 39 K, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cà Thị T, sinh năm 1989 và ông

Y K, sinh năm 1974. Địa chỉ: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Y N, sinh năm 1960 – có mặt.

- Ông Y D, sinh năm 1984 – có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1977 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Y R, sinh năm 1966 – vắng mặt.

- Ông Y T, sinh năm 1998 – vắng mặt.

- Bà H R, sinh năm 1995 – vắng mặt.

- Ông Y K, sinh năm 2001 – vắng mặt.

- Ông Y S, sinh năm 1991 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Buôn M, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà H M, sinh năm 1984 – vắng mặt.

- Bà H L, sinh năm 1977 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Buôn CC, xã ĐP, huyện L tỉnh Đắk Lắk.

* Người kháng cáo: Bà H P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà H P trình bày:

Ngày 27/7/2017, bà H B có liên lạc với bà H P và bà Cà Thị T với nội dung bà H B nhờ bà H P đứng ra vay giúp số tiền 80.000.000 đồng để gia đình bà H B đi đáo hạn Ngân hàng. Trong ngày 27/7/2017, bà H P cùng bà Cà Thị T đến nhà bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (bà H P có ký vào sổ vay tiền của bà T1), với lãi suất 2000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Sau khi mượn 100.000.000 đồng của bà T1 thì bà H P cùng bà Cà Thị T về nhà bà T. Tại đây, bà H P lấy 10.000.000 đồng để làm mái che mở quán bán nước và bán quần áo tại sân nhà bà T; bà T cũng mượn 10.000.000 đồng; số tiền còn lại 80.000.000 đồng thì bà H P đưa cho bà T giữ giùm, mục đích để cho bà H B vay lại. Đến ngày 28/7/2017, vợ chồng bà H B và ông Y P đến nhà bà Cà Thị T để vay số tiền 80.000.000 đồng mà bà H P đã nhờ bà T giữ giùm để đưa cho gia đình bà H B, lãi suất vay là 3000đ/1 triệu đồng/ 1 ngày. Do tin tưởng nên khi đưa tiền bà H P không viết giấy tờ gì với bà T cũng như với vợ chồng bà H B mà chỉ thỏa thuận bằng miệng là khoảng 10 ngày sau sẽ trả cả gốc lẫn

lãi. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn trả nợ thì bà H P nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H B trả tiền nhưng vợ chồng bà H B nói rằng do chưa vay lại được tiền của Ngân hàng nên khi nào bán được rẫy sẽ trả cả gốc lẫn lãi cho bà H P.

Đến ngày 28/12/2017, khi vợ chồng bà H P và ông Y D cùng ông Y N (cậu ruột của bà H P) cùng đến nhà vợ chồng bà H B và ông Y P để đòi nợ gốc và lãi. Vợ chồng bà H B và ông Y P đồng ý sẽ trả lãi như cam kết là 3000 đồng/1 triệu/1 ngày nên chấp nhận viết giấy vay nợ và tự nguyện cùng ký ghi họ tên, ông Y N ký tên vào giấy vay nợ với tư cách người làm chứng. Nay, bà H P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H B và ông Y P trả cho bà H P số tiền gốc 80.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 28/7/2017 đến ngày 28/7/2018 là 12 tháng, với lãi suất 1,67%/tháng. Số tiền lãi phải trả là 80.000.000 đồng x 1,67% x 12 = 16.032.000 đồng; vợ chồng bà H B đã trả trước được 8.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, số tiền vợ chồng bà H B còn phải trả là 80.000.000 đồng + 16.032.000 đồng – 8.000.000 đồng.

***Bị đơn bà H B và ông Y P trình bày*:**

Do vợ chồng bà H B và ông Y P có nhu cầu vay tiền nên vào khoảng 15 giờ ngày 28/7/2017, bà H B cùng bạn là bà H L cùng đi đến nhà bà Cà Thị T để vay số tiền 80.000.000 đồng. Tại nhà bà T, bà T đã trực tiếp giao số tiền 80.000.000 đồng cho bà H B mượn. Bà H B và ông Y P không hề vay tiền của bà H P. Sáng ngày 28/12/2017, vợ chồng bà H P, ông Y D cùng với ông Y N cùng đến nhà vợ chồng bà H B để đòi nợ khoản tiền 80.000.000 đồng cùng tiền lãi. Do không nợ nần gì đối với bà H P nên hai bên đã xảy ra cãi vã. Ông Y N đã viết giấy vay tiền rồi ép buộc vợ chồng bà H B, ông Y P phải ký vào giấy vay tiền. Ban đầu bà H B và ông Y P từ chối ký, nhưng sau đó ông Y N động viên, năn nỉ bắt phải ký và nói là không sao; bà H P có nói hôm sau sẽ cùng bà H B đến nhà bà T để xóa nợ cho bà H B nên vợ chồng bà H B, ông Y P mới ký giấy vay tiền mà ông Y N đã viết. Trên thực tế, bà H B và ông Y P chỉ vay tiền của bà Cà Thị T và đã trả xong thông qua việc cấn trừ đất rẫy. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H P là không có căn cứ, để nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cà Thị T trình bày:

Ngày 28/7/2017, bà H B có gọi điện thoại cho bà T để hỏi vay tiền. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bà H B có đi cùng một người phụ nữ là bà H L đến nhà bà T để vay số tiền 80.000.000 đồng, đây là số tiền mà bà T vay của bà Nguyễn Thị Thanh T1 vào ngày 27/7/2017. Trong lúc giao nhận tiền thì chỉ có bà T, bà H B, bà H L và ông Y K (chồng bà T), ngoài ra không có ai khác. Khi vay tiền, hai bên có viết giấy

tờ ghi nhận nợ đầy đủ và cùng ký ghi họ tên. Bà H B hẹn đến cuối tháng 11 năm 2017 sẽ trả đủ cả gốc lẫn lãi cho bà T, tuy nhiên đến tháng 01/2018 thì vợ chồng bà H B, ông Y P mới trả nợ cho bà T số tiền gốc là 80.000.000 đồng và lãi là 12.000.000 đồng thông qua hình thức cấn trừ đất rẫy của vợ chồng bà H B. Hai bên thừa nhận đã hoàn thành xong nghĩa vụ đối với nhau và gạch sổ trong giấy vay tiền, không ai còn nợ ai.

Lời trình bày của bà H P cho rằng ngày 28/7/2017 bà H P có đưa số tiền 80.000.000 đồng cho bà T, sau đó bà T cho vợ chồng bà H B vay lại tại nhà bà T là không đúng và không có căn cứ. Còn giữa bà H P với vợ chồng bà H B có quan hệ vay mượn tiền gì hay không thì bà T không biết.

Người làm chứng ông Y N khai:

Ông Y N là cậu ruột của bà H P. Ngày 28/12/2017, bà H P có nhờ ông Y N đi cùng đến nhà vợ chồng bà H B và ông Y P để làm rõ về số tiền mà bà H P đã vay của bà T1 để cho vợ chồng bà H B vay lại. Tại nhà vợ chồng bà H B, sau khi các bên nói chuyện về khoản vay thì vợ chồng bà H B có thừa nhận vay của ba H P 80.000.000 đồng. Lúc này, bà H P có nhờ ông Y N viết "Biên bản cho vay tiền" theo lời trình bày của bà H P. Khi viết biên bản, ông Y N có viết số tiền lãi là 7.800.000 đồng, tuy nhiên vợ chồng bà H B có đề nghị sửa lại thành 7.200.000 đồng thì vợ chồng bà H B mới ký, vì vậy trong biên bản cho vay tiền có sự sửa chữa tại phần này. Sau khi viết xong, biên bản được đọc lại cho các bên cùng nghe và vợ chồng bà H B, ông Y P đã tự nguyên ký, ghi tên vào biên bản cho vay tiền. Lời trình bày của vợ chồng bà H B và các con cho rằng vợ chồng bà H P, ông Y D cùng tôi ép buộc vợ chồng bà H B ký vào biên bản cho vay tiền là không đúng và không có căn cứ.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh T1 khai:

Ngày 28/7/2017, bà T1 có cho vợ chồng bà Cà Thị T, ông Y K vay số tiền 80.000.000 đồng. Số nợ này hiện nay vợ chồng bà T, ông Y K đã trả xong. Ngày 27/7/2017, bà T1 không cho bà H P mượn số tiền 100.000.000 đồng như bà H P trình bày. Còn giữa bà H P với vợ chồng bà H B có quan hệ vay mượn tiền gì hay không thì bà T1 không biết.

Người làm chứng ông Y D khai:

Ông Y D là chồng của bà H P. Vào ngày 28/12/2017, ông Y D cùng vợ và cậu của vợ là ông Y N đến nhà vợ chồng bà H B, ông Y P để làm rõ số nợ 80.000.000 đồng. Sau khi các bên nói chuyện với nhau thì ông Y N có viết biên bản cho vay tiền đề ngày 28/12/2017 và vợ chồng bà H B, ông Y P đã tự nguyện kí, ghi họ tên vào biên bản.

Người làm chứng bà H M khai:

Bà H M chỉ nghe bà H B kể về chuyện bà H P đi cùng người nhà đến đòi tiền vợ chồng bà H B, ngoài ra bà không biết sự việc vay tiền của các bên như thế nào.

Người làm chứng ông Y T, H R, Y K1 (con của bà H B, ông Y P) khai:

Ngày 28/12/2017, vợ chồng bà H P, ông Y D và ông Y N để nói chuyện tiền bạc. Ông Y N có viết giấy biên bản cho vay tiền và ép buộc bà H B và ông Y P ghi họ tên vào giấy; hai bên giằng co khoảng 20 phút thì bà H B và ông Y P mới ký. Tuy nhiên, vợ chồng bà H P, ông Y D và ông Y N không có hành vi đe dọa gì. Sau khi bà H B và ông Y P ký xong thì phía gia đình bà H P ra về. Ngoài ra ông Y T, H R, Y K1 không biết gì thêm.

Người làm chứng bà H L khai:

Bà H L là họ hàng với ông Y S (con rể bà H B) nên có quen biết với bà H B và ông Y P. Sáng ngày 28/7/2017, bà H B có gọi điện thoại mời bà H L sang nhà chơi nên khoảng 11 giờ bà H L sang nhà bà H B chơi. Khi sang nhà chơi thì bà H B có nói chuyện mượn được tiền để đáo hạn Ngân hàng nên rủ bà H L đi cùng sang nhà bà Cà Thị T để vay tiền. Do xe máy của bà H L hết xăng và bà H B nói không biết đi xe máy nên bà H L chở bà H B đi sang nhà bà Cà Thị T. Khi đến nhà bà T, bà H L thấy ở nhà bà T lúc này có bà T và bà H P; bà H L thấy bà H P đưa cho bà T 100.000.000 đồng, sau đó bà T đưa lại cho bà H B số tiền 80.000.000 đồng; số tiền 20.000.000 đồng còn lại bà H P và bà T sử dụng như thế nào thì bà H L không biết. Sau khi bà H B nhận tiền từ bà T thì bà T có viết giấy vay mượn tiền và bà H B ký nhận, ghi họ tên, nội dung trong giấy cụ thể như thế nào thì bà H L không được biết. Sau khi nhận tiền và ký giấy vay tiền xong thì bà H L cùng bà H B ra về, sau đó bà H L cũng đi về nhà mình. Ngoài ra bà H L không biết gì thêm.

**** Tại bản án số 02/2019/DS-ST ngày 24/4/2019, của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 400, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H P về việc đòi lại số tiền nợ gốc và lãi 88.000.000 đồng đối với vợ chồng bà H B, ông Y P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà H P và bị đơn ông Y P và bà H B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2019, bà H P kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm buộc vợ chồng bà H B, ông Y P phải trả cho bà H P số tiền gốc 80.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và lời trình bày trong quá trình xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà H B và ông Y P giữ nguyên ý kiến trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm.

Các đương sự khác giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị Phương L trình bày:

Ngày 27/7/2017, bà H P, bà Cà Thị T và bà H B có liên lạc với nhau, nội dung là bà H B nhờ bà H P đứng ra vay số tiền 80.000.000 đồng để gia đình bà H B đáo hạn Ngân hàng. Trong ngày 27/7/2017, bà H P cùng bà Cà Thị T đến nhà bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (Việc vay tiền này bà H P có ký vào sổ vay tiền của bà T1) với lãi suất 2000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Sau khi mượn được 100.000.000 đồng của bà T1 thì bà H P cùng bà T về nhà bà T. Bà H P lấy 10.000.000 đồng để làm mái che mở quán nước và bán quần áo tại sân nhà bà T, bà T mượn 10.000.000 đồng để sử dụng, còn lại số tiền 80.000.000 đồng bà H P đưa cho bà T giữ giùm nhằm mục đích cho bà H B mượn. Ngày 28/7/2017, vợ chồng bà H B, ông Y P đến nhà bà T để vay số tiền 80.000.000 đồng mà bà H P nhờ bà T giữ giùm với lãi suất 3000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Do tin tưởng nhau nên giữa bà H P và vợ chồng bà H B, ông Y P không viết giấy tờ gì mà chỉ hẹn 10 ngày sau trả cả gốc lẫn lãi. Sau khi hết hạn trả nợ, bà H P đã nhiều lần đòi tiền vợ chồng bà H B nhưng vợ chồng bà H B có nói rằng do chưa vay lại được tiền của Ngân hàng, khi nào vay được thì vợ chồng bà H B sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Đến ngày 28/12/2017, do chưa trả được nợ cho bà H P nên vợ chồng bà H B, ông Y P đã đồng ý ký giấy Biên bản cho vay tiền, nội dung là thừa nhận khoản vay 80.000.000 đồng cùng lãi suất đồng thời hứa sẽ trả tiền cho bà H P. Ngoài ra, ngày 29/12/2017, giữa nguyên đơn và bị đơn có cuộc trao đổi điện thoại liên quan đến việc ký xác nhận nợ ngày 28/12/2017, bị đơn đã thừa nhận rằng "sao lại sai, vì nó đảo cho tôi, làm sổ sách mới để biết rõ, không có gì từ chối

cả", điều này thể hiện bị đơn thừa nhận số tiền 80.000.000 đồng là do nguyên đơn đưa cho bị đơn vay để đáo hạn Ngân hàng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hồ Ngọc H trình bày: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, bởi lẽ ngày 28/7/2017, tại nhà bà Cà Thị T không có sự việc bà H P cho vợ chồng bà H B, ông Y P vay số tiền mà chỉ có bà T cho bà H B vay 80.000.000 đồng. Giữa bà T với bà H B có ký nhận nợ và có bà H L làm chứng. Bà H B có trả lãi cho bà T một lần vào ngày 06/11/2017 và đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho bà T thông qua việc cấn trừ đất rẫy. Đối với giấy vay tiền ngày 28/12/2017 được lập sau ngày vay và do vợ chồng bà H P cùng ông Y N ép buộc vợ chồng bà H B ký nhận. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khơi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H P; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xe xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà H P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà H P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H B và ông Y P phải trả cho bà H P số tiền 80.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H P có cung cấp cho Tòa án "Biên bản cho vay tiền" đề ngày 28/12/2017. Theo lời trình bày của bà H P thì ngày 27/7/2017, bà H B có liên lạc với bà H P và bà Cà Thị T để nhờ bà H P đứng ra vay giúp số tiền 80.000.000 đồng. Trong ngày 27/7/2017, bà H P cùng bà T đến nhà bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi mượn 100.000.000 đồng của bà T1 thì bà H P cùng bà T về nhà bà T. Tại đây, bà H P lấy 10.000.000 đồng; bà T cũng mượn 10.000.000 đồng; số tiền còn lại 80.000.000 đồng thì bà H P đưa cho bà T giữ giùm, mục đích để cho bà H B vay lại. Ngày 28/7/2017, vợ chồng bà H B đến nhà bà Cà Thị T để vay số tiền 80.000.000 đồng mà bà H P đã nhờ bà T giữ giùm để đưa cho gia đình bà H B, thời điểm cho vay tiền thì bà H P cũng có mặt tại nhà bà T. Sau

khi cho vay tiền và nhiều lần đòi nợ không được, ngày 28/12/2017 vợ chồng bà H P và ông Y D cùng ông Y N (cậu ruột của bà H P) cùng đến nhà vợ chồng bà H B và ông Y P để đòi nợ gốc và lãi thì vợ chồng bà H B và ông Y P chấp nhận viết "Biên bản cho vay tiền" và tự nguyện cùng ký ghi họ tên, ông Y N ký tên với tư cách người làm chứng. Bà H P có nói hôm sau sẽ cùng bà H B đến nhà bà T để xóa nợ cho bà H B.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Sự việc bà H B nhận 80.000.000 đồng ngày 28/7/2017 tại nhà bà Cà Thị T là sự thật mà nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều thừa nhận. Bà H P cho rằng nguồn gốc số tiền này là do bà H P mượn của bà Nguyễn Thị Thanh T1 vào ngày 27/7/2017 rồi gửi lại bà T để bà T thay bà H P cho bà H B mượn. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của bà T1 ngày 03/10/2018 thì bà T1 khẳng định ngày 27/7/2017, bà T1 không hề cho bà H P vay tiền như bà H P trình bày mà bà T1 chỉ cho bà T mượn số tiền 80.000.000 đồng. Bà T cũng thừa nhận ngày 27/7/2017, bà T có sang nhà bà T1 mượn số tiền 80.000.000 đồng, và bà T đi một mình chứ không liên quan gì đến bà H P. Như vậy, lời trình bày của bà H P cho rằng số tiền 80.000.000 đồng mà bà H B vay của bà T là do bà H P vay của bà T1 rồi nhờ bà T giữ giùm để cho bà H B vay lại là không có căn cứ.

[2.2] Bà H P cho rằng ngày 28/7/2017, tại nhà bà T, bà T có đưa số tiền 80.000.000 đồng cho bà H B vay, thời điểm các bên giao nhận tiền có mặt bà H P cùng ông Y K (là chồng bà T) cũng có mặt tại nhà. Tuy nhiên, bà T, bà H B và ông Y K đều xác định thời điểm bà T giao tiền cho bà H B không có mặt bà H P và bà H P không liên quan đến khoản vay giữa bà T và bà H B. Và trên thực tế, bà H P cũng không chứng minh được có sự thỏa thuận vay mượn tiền giữa bà H P và bà H B, quan hệ vay mượn là giữa bà T và bà H B, theo lời khai của các đương sự thể hiện số tiền 80.000.000 đồng bà H B nhận trực tiếp từ bà T. Vì vậy, việc bà H P khởi kiện yêu cầu bà H B trả tiền cho bà H P là không có cơ sở. Nếu bà H P chứng minh được việc mình mượn tiền từ bà T1, sau đó đưa cho bà T để bà T cho vay lại thì có thể khởi kiện bà T tại vụ án khác. Đối với "Biên bản cho vay tiền" đề ngày 28/12/2017 có chữ ký, chữ viết của vợ chồng bà H B và ông Y P mà theo bà H P thì đây là sự tự nguyện nhận nợ số tiền 80.000.000 đồng của bà H B và ông Y P đã vay của bà H P trước đó, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bà H B và ông Y P thừa nhận đây là chữ ký, chữ viết của mình nhưng ngày 28/7/2017 không có sự việc thỏa thuận vay và giao nhận tiền giữa bà H P với bà H B. Mặt khác bà H P có nói hôm sau sẽ cùng bà H B đến nhà bà T để xóa nợ cho bà H B nhưng các bên không làm thủ tục xóa nợ và

chuyển giao chủ nợ, trong khi bà H B chỉ vay 80.000.000đ và thực tế ngày 28/7/2017 bà H B nhận tiền từ bà Cà Thị T và đã trả cho bà Cà Thị T.

[2.3] Đối với file ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại mà nguyên đơn bà H P cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Tòa án cấp sơ thẩm đã lập Biên bản ghi nhận, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nội dung của file ghi âm được thể hiện trong biên bản. Tuy nhiên, nội dung cuộc nói chuyện giữa hai bên không thể hiện sự việc ngày 27/7/2017, bà H P đi cùng bà Cà Thị T sang nhà bà Nguyễn Thị Thanh T1 để vay số tiền 100.000.000đ, không có căn cứ để xác định bà Cà Thị T có nhận 80.000.000đ của bà H P để cho bà H B vay.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của H P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 24/4/2019, của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà H P là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H P.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà H P - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 24/4/2019, của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các Điều 400, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H P về việc đòi lại số tiền nợ gốc và lãi 88.000.000 đồng đối với vợ chồng bà H B, ông Y P.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn